



TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN HÀNH LANG KINH TẾ PHÍA NAM VÀ VIỆC KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC SÔNG MEKONG ĐỐI VỚI KHU VỰC NAM BỘ

Nguyễn Chung Thủy*

Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 09-7-2017; ngày phân biện đánh giá: 09-8-2017; ngày chấp nhận đăng: 28-8-2017

TÓM TẮT

Bài viết chỉ ra những tiềm năng, thế mạnh của khu vực Nam Bộ trong hợp tác phát triển kinh tế với các nước ở tiểu vùng Mekong; làm rõ quá trình hình thành của Hành lang kinh tế phía Nam (HLKTPN) và thực trạng việc khai thác bất hợp lý nguồn tài nguyên nước sông Mekong của các quốc gia trong tiểu vùng. Trên cơ sở đó phân tích những tác động của các vấn đề nêu trên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực Nam Bộ và đưa ra một số kiến nghị, đề xuất.

Từ khóa: Nam Bộ, hành lang kinh tế phía Nam, Tiểu vùng sông Mekong.

ABSTRACT

The impacts of the Southern economic corridor and water resource exploitation of the Mekong river on the Southern region from the late 20th century up to now

The article points out potentials and strengths of the southern region in economic development and cooperation of Mekong sub-region countries; to clarify the formation process of the Southern Economic Corridor and real situation of unreasonable water resource exploitation of the Mekong River of sub-region countries. On the basis thereof, the article analyzes the impacts of the above-mentioned issues on the socio-economic development in the southern region and makes some recommendations and proposals.

Keywords: Southern region, Southern economic corridor, Mekong Subregion.

1. Mở đầu

Từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX và đặc biệt là từ đầu thế kỉ XIX đến nay, ở khu vực Đông Nam Á nói chung, tiểu vùng sông Mekong nói riêng đã hình thành một số khuôn khổ hợp tác cấp tiểu khu vực với mục tiêu đưa tiểu vùng Mekong “trở thành một tiểu vùng thịnh vượng, hội nhập và hài hòa”. Có thể kể đến một số khuôn khổ hợp tác đã hình thành ở tiểu vùng Mekong như:

Ủy hội sông Mekong; chương trình hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS); chương trình hợp tác ba dòng sông (Ayeyawady – Chao Phraya – Mekong); hợp tác Tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam (CLV)... Và đối với Việt Nam, ngay từ khi các khuôn khổ hợp tác này hình thành, Việt Nam đã tham gia một cách tích cực với vai trò của một thành viên có trách nhiệm.

* Email: nguyenthuydhsp@gmail.com

Đối với Việt Nam, lợi ích thu được khi tham gia vào các khuôn khổ hợp tác này đã góp phần vào việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của cả nước nói chung, của các vùng, miền trên cả nước nói riêng. Tuy nhiên, ở khu vực Nam Bộ thì không hẳn như vậy. Việc hình thành và phát triển của ĐBSCL – một dự án thuộc lĩnh vực hợp tác phát triển cơ sở hạ tầng giao thông trong khuôn khổ của hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS), trong tương lai nó sẽ góp phần to lớn trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Bộ. Ngược lại, vấn đề khai thác bất hợp lí nguồn tài nguyên nước sông Mekong (nhất là việc xây dựng hệ thống đập thủy điện trên dòng chính sông Mekong của các quốc gia trong tiểu vùng) – một vấn đề nằm trong khuôn khổ hợp tác của Ủy hội sông Mekong, đã và đang có những tác động to lớn đến khu vực Nam Bộ, đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Vấn đề này đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế của hàng chục triệu người dân nơi đây.

Trong bài viết này, sau khi làm rõ một số vấn đề như: chỉ ra những tiềm năng to lớn cho việc hợp tác phát triển của khu vực Nam Bộ; việc hình thành và phát triển ĐBSCL; thực trạng của việc khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước sông Mekong vào việc xây hệ thống các đập thủy điện của các quốc gia trong tiểu vùng, chúng tôi sẽ phân tích những tác động của ĐBSCL và việc khai thác nguồn tài nguyên nước sông Mekong đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực Nam Bộ – nơi có vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và được coi là

đầu tàu kinh tế của cả nước. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị, đề xuất.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, vai trò và tiềm năng hợp tác phát triển của Nam Bộ trong sự tham gia của Việt Nam vào hợp tác quốc tế ở tiểu vùng Mekong

Nam Bộ là khu vực nằm về phía cực Nam của Việt Nam, là một trong bốn vùng chính của lãnh thổ Việt Nam (gồm Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên). Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, với nhiều lần thay đổi địa giới hành chính và tên gọi khác nhau (trong thời Quốc gia Việt Nam (1949-1955) và Việt Nam Cộng hòa (1955-1975), Nam Bộ còn được gọi là “Nam phần”). Nam Bộ hiện nay bao gồm 17 tỉnh từ Bình Phước trở xuống phía Nam và hai thành phố (TP) trực thuộc Trung ương là Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) và TP Cần Thơ, được chia thành 2 khu vực nhỏ: (i) khu vực Đông Nam Bộ, bao gồm: Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu và TPHCM; (ii) khu vực Tây Nam Bộ, bao gồm: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, và TP Cần Thơ.

Trong xu thế hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới, so với các vùng miền khác trong cả nước, Nam Bộ là khu vực có những thế mạnh mà nhiều vùng, miền khác không có được như điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế, nhất là nông – lâm – ngư nghiệp; có vị trí địa lí quan trọng – là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong tiểu vùng Mekong;

có hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông đang phát triển mạnh; có vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với nhiều cụm công nghiệp lớn và được coi là đầu tàu kinh tế của cả nước...

Về điều kiện tự nhiên, Nam Bộ là khu vực có địa hình và khí hậu khá thuận lợi cho sản xuất nông, lâm ngư nghiệp (các số liệu về địa hình và khí hậu được tham khảo từ trang Wikipedia). *Về mặt địa hình*, toàn vùng Nam Bộ khá bằng phẳng, phía Tây giáp Vịnh Thái Lan, phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông, phía Bắc và Tây Bắc giáp Campuchia và một phần phía Tây Bắc giáp Nam Trung Bộ. Khu vực Đông Nam Bộ có độ cao từ 100 - 200m, có cấu tạo địa chất chủ yếu là đất đỏ bazan và đất phù sa cổ. Khu vực đồng bằng sông nước ở đây chiếm diện tích khoảng 6.130.000ha cùng trên 4000 kênh rạch với tổng chiều dài lên đến 5700km. Trong khi đó, khu vực Tây Nam Bộ có độ cao trung bình chỉ gần 2m, chủ yếu là miền đất của phù sa mới. Trong hệ thống sông ngòi của khu vực này, có hai hệ thống sông lớn nhất là sông Đồng Nai và sông Cửu Long. Nếu sông Đồng Nai có lượng phù sa thấp thì ngược lại, sông Cửu Long lại có một lượng phù sa rất lớn. Với lượng nước đổ về trung bình khoảng 4000 tỉ mét khối và hàng năm vận chuyển khoảng 100 triệu tấn phù sa, nó giữ vai trò rất quan trọng trong việc bồi đắp phù sa cho ĐBSCL, nơi có diện tích 39.734 km². Cho đến nay, ĐBSCL vẫn còn là một vùng đất thấp, độ cao trung bình so với mặt biển chỉ vào khoảng 5 mét. Một số khu vực như tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười và phía Tây sông Hậu đang tồn tại ở mức thấp

hơn mặt biển, chính vì vậy mà hàng năm có tới 1 triệu ha bị ngập nước mặn trong thời gian từ 2 đến 4 tháng. Các nhà nghiên cứu lịch sử về vùng đất này cho rằng, cách đây hàng triệu năm, nơi này vốn là một vịnh lớn nhưng đã được bồi đắp dần bởi phù sa sông Cửu Long.

Về khí hậu, Nam Bộ nằm trong vùng đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo, nền nhiệt ẩm phong phú, ánh nắng dồi dào, thời gian bức xạ dài, nhiệt độ và độ ẩm cao. Biên độ nhiệt ngày đêm giữa các tháng trong năm thấp và ôn hòa. Độ ẩm trung bình hàng năm khoảng từ 80 - 82%. Khí hậu hình thành trên hai mùa chủ yếu quanh năm là mùa khô và mùa mưa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4. Về mùa vụ sản xuất có khác với khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Lượng mưa hàng năm dao động từ 966 - 1325mm và góp trên 70 - 82% tổng lượng mưa trong suốt cả năm. Mưa phân bố không đều, giảm dần từ khu vực giáp TPHCM xuống khu vực phía Tây và Tây Nam. Ở khu vực Đông Nam có lượng mưa thấp nhất. Khi xuất hiện cường độ mưa lớn xảy ra trên một số khu vực trong vùng, thường gây hiện tượng xói mòn ở những vùng gò cao. Khi mưa kết hợp với cường độ triều và lũ sẽ gây ngập úng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của dân cư trong vùng. Do ảnh hưởng của hiện tượng biến đổi khí hậu và sự khai thác thiếu khoa học, hợp lý nguồn tài nguyên nước sông Mekong vào việc xây dựng hệ thống đập thủy điện, nên hiện nay vùng đồng bằng Nam Bộ đang bị tác động rất lớn do các nguồn nước ở các sông bị cạn kiệt, đặc

biệt là sông Mekong.

Về công nghiệp, Nam Bộ là khu vực có nền kinh tế công nghiệp phát triển, với TPHCM là đầu tàu kinh tế của cả nước. Đặc biệt, ở đây có vùng trọng điểm kinh tế phía Nam gồm các tỉnh, TP: TPHCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là nơi tập trung số lượng các khu công nghiệp lớn và thu hút nhiều dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất của cả nước. Tại đây có khu công nghệ cao, 2 khu chế xuất (Tân Thuận và Linh Trung), công viên phần mềm Quang Trung và hàng chục khu công nghiệp thu hút khác như: Biên Hòa, Nhơn Trạch, Loteco, Amata (Đồng Nai), Sóng Thần, Việt Nam - Singapore, Việt Hương, Nam Tân Uyên, Mỹ Phước, Đồng An (Bình Dương), Tân Tạo, Vĩnh Lộc, Tân Bình (TPHCM)... Các ngành công nghiệp quan trọng nhất của Vùng gồm: Dầu khí, giày da, dệt may, điện tử, cơ khí, hóa chất, phân bón, cán thép... Ngoài ra còn có một số khu công nghiệp tập trung ở Long An (Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước, Thủ Thừa, Đức Hòa và Tân An), Mỹ Tho (Tiền Giang): Khu Công nghiệp Mỹ Tho (79.14ha), KCN Tân Hương (197ha), KCN Long Giang (600ha), KCN Dịch vụ Dầu Khí (1000ha), Cụm Trung An (17ha), Cụm Tân Mỹ Chánh (23,57ha) và hiện đang xây thêm KCN Nam Tân Phước dự kiến (1000ha) (các số liệu được tham khảo từ trang Wikipedia).

Ngoài ra, hiện tại hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông của vùng Nam Bộ đang được đầu tư xây dựng

nên đã và đang rất phát triển, gồm cả giao thông đường không, đường thủy và đường bộ. Hàng không với sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất là cửa ngõ giao thương quan trọng của Vùng. Bên cạnh đó, sân bay quốc tế Long Thành đang được khởi công xây dựng với công suất thiết kế 80-100 triệu khách/năm, 5 triệu tấn hàng hóa/năm sẽ là sân bay hàng đầu của Vùng kinh tế. Về đường thủy, sự phát triển của các cụm cảng đang là động lực chính cho vận tải đường thủy của vùng Nam Bộ. Cụm cảng Sài Gòn hiện tại có lượng hàng hóa thông quan cao nhất trong cả nước. Do nhu cầu phát triển đô thị, các cảng trong nội thị sẽ được di dời xuống hạ lưu sông Đồng Nai và sông Thị Vải. Sắp tới đây, cảng Thị Vải tại Bà Rịa Vũng Tàu sẽ là cảng biển chính của Vùng, cùng với cụm cảng container Cát Lái và Hiệp Phước là một trong những cảng biển nước sâu hàng đầu cả nước.

Về vận tải đường bộ và đường sắt, so với yêu cầu phát triển kinh tế của vùng thì cần phải được đầu tư nhiều hơn nữa. Mạng lưới đường bộ tuy không ngừng được nâng cấp nhưng không đáp ứng được yêu cầu phát triển, tình trạng tắc nghẽn giao thông cản trở sự phát triển của Vùng. Để giải quyết tình trạng này, một số dự án giao thông lớn đã được xây dựng: Đường cao tốc TPHCM - Trung Lương (hiện đang thi công để nối đến Cần Thơ); các đường vành đai 1, 2, 3; đại lộ Đông - Tây; hầm Thủ Thiêm; đường cao tốc TPHCM - Long Thành - Dầu Dây; đường Xuyên Á; cầu Phú Mỹ; đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu... Cùng với đường bộ, đường sắt cũng đang được đầu tư xây dựng. Hiện tại chỉ

có đường sắt Bắc - Nam chạy qua khu vực này. Để đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải, một số dự án đường sắt đang được thành lập, như: Đường sắt cao tốc TPHCM - Vũng Tàu; các tuyến tàu điện ngầm từ Bến Thành đi bến xe Miền Tây, Biên Hòa đang được các công ti lớn của Đức, Pháp, Nga, Nhật khảo sát và khởi công xây dựng.

Có thể nói, với một tiềm năng to lớn về các điều kiện tự nhiên, các khu công nghiệp và hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, khu vực Nam Bộ đang có được những lợi thế hết sức to lớn trong quá trình phát triển kinh tế, nhất là khi Việt Nam đang tiến hành hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực. Để Việt Nam tham gia vào các khuôn khổ hợp tác ở tiểu vùng Mekong một cách có hiệu quả, rất cần phát huy hết tiềm năng thế mạnh của các vùng, miền trong cả nước, trong đó có vùng Nam Bộ. Với các lợi thế về vị trí địa lý, địa hình và sự phát triển của cơ sở hạ tầng giao thông, vùng Nam Bộ nói chung, nhất là khu vực Đông Nam Bộ, đang giữ một vai trò quan trọng trong sự hợp tác của Việt Nam với các khuôn khổ hợp tác ở tiểu vùng Mekong. Hệ thống các cảng biển nước sâu, cảng hàng không quốc tế, vùng Nam Bộ đang trở thành cửa ngõ giao thương quan trọng của nhiều nước trong tiểu vùng Mekong, nhất là khi tuyến ĐBSCL thuộc khuôn khổ của chương trình

Hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS) hoàn thành việc xây dựng và đi vào hoạt động trong thời gian tới. Ngược lại, ở khu vực miền Tây Nam Bộ, nơi từng là vựa lúa lớn nhất của cả nước và cung cấp một lượng lớn lúa gạo xuất khẩu cho thế giới thì đang phải đối mặt với những khó khăn thách thức to lớn trước sự biến đổi của khí hậu và sự khai thác bất hợp lý nguồn tài nguyên nước sông Mekong của các quốc gia trong tiểu vùng Mekong.

2.2. Sự hình thành của dự án Hành lang kinh tế phía Nam và tác động của nó đối với kinh tế, xã hội khu vực Nam Bộ

ĐBSCL là một dự án hợp tác trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng giao thông thuộc chương trình Hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng. Cách tiếp cận hành lang kinh tế đối với sự phát triển tiểu vùng đã được các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) thông qua lần đầu tiên tại Hội nghị Bộ trưởng GMS lần thứ 8 tổ chức tại Manila năm 1998 với mục đích thúc đẩy tốc độ hợp tác kinh tế tiểu vùng. Tại hội nghị này, ba hành lang kinh tế GMS ưu tiên đã được xác định, gồm: hành lang kinh tế Đông Tây (East-West Economic Corridor – EWEC), hành lang kinh tế Bắc Nam (North - South Economic Corridor / NSEC) và ĐBSCL (South Economic Corridor/ SEC) (xem Hình 1).



Hình 1. Các hành lang kinh tế thuộc tiểu vùng Mekong mở rộng

Nguồn:

<https://www.adb.org/sites/default/files/publication/161504/gms-ecp-overview-2015-vi.pdf>



Hình 2. ĐBSCL

Nguồn: http://www.nhandan.com.vn/kinhte/thoi_su/item/20434802-1%C3%B2-gi%E1%BA%BFng-%C4%91%E1%BB%A9ng-b%C6%B0%E1%BB%9Bc-ngo%E1%BA%B7t-c%C3%B4ng-ngh%E1%BB%87-c%E1%BB%A7a-ng%C3%A0nh-than.html

Hành lang kinh tế phía Nam (SEC) bao gồm các tiểu hành lang và liên hành lang kết nối các thị xã chính và TP ở phía Nam của GMS (xem Hình 2). Cụ thể, ĐBSCL bao gồm 4 tiểu hành lang sau:

(i) Tiểu hành lang Bangkok - Phnôm Pênh - TPHCM - Vũng Tàu (tiểu hành lang trung tâm);

(ii) Tiểu hành lang Bangkok - Siêm Riệp - Stung Treng - Rathanakini - O Yadov - Pleiku - Quy Nhơn (tiểu hành lang phía Bắc);

(iii) Tiểu hành lang Bangkok - Trat-Koh Kong - Kampot - Hà Tiên - TP Cà Mau - Năm Căn (tiểu hành lang duyên hải phía Nam);

(iv) Kết nối liên hành lang Sihanoukville - Phnôm Pênh - Kratie-Stung Treng - Dong Kralor (Tra Pang Kriel) - Pakse-Savannakhet (nối liền ba tiểu hành lang SEC với hành lang kinh tế Đông Tây).

Như vậy có thể thấy, trong 3 tiểu

hành lang và 1 liên hành lang của ĐBSCL thì có đến 2 tiểu hành lang liên quan trực tiếp đến vùng Nam Bộ của Việt Nam, gồm tiểu hành lang trung tâm (Bangkok - Phnôm Pênh - TPHCM - Vũng Tàu) ở khu vực Đông Nam Bộ và tiểu hành lang duyên hải phía Nam (Bangkok - Trat-Koh Kong - Kampot - Hà Tiên - TP Cà Mau - Năm Căn) ở khu vực Tây Nam Bộ. Những lợi ích của các tiểu hành lang này khi đi vào hoạt động sẽ có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội của vùng Nam Bộ. Phát biểu tại Diễn đàn các hành lang kinh tế tiểu vùng Mekong (GMS) mở rộng lần thứ 6 (ECF-6) (ngày 08/8/2014) ở Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam – Nguyễn Chí Dũng cho rằng: “Phát triển hành lang kinh tế là một phương thức và đồng thời cũng là nỗ lực của các bên trong quá trình hiện thực hóa mục đích của chương trình hợp tác kinh tế GMS là xóa đói, giảm nghèo, cải thiện điều kiện sống

cho người dân và đảm bảo phát triển bền vững khu vực trong dài hạn” và cũng theo Thứ trưởng “phát triển hành lang kinh tế là một quá trình phức tạp và cần nhiều thời gian. Tuy nhiên, đó là công cụ hiệu quả nhất để chúng ta đạt được chiến lược 3C chung đó là: Tăng cường sự liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao tinh thần cộng đồng” (xem thêm tại cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Có thể nói, vai trò của các hành lang kinh tế là rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của các nước thành viên tiểu vùng Mekong. Đi cùng với sự hình thành của hành lang kinh tế là sự hình thành của khu kinh tế đặc biệt (SEZ), khu kinh tế đặc biệt vùng biên giới và các cụm công nghiệp trong việc phát triển hành lang kinh tế GMS. Đối với vùng Nam Bộ, khi ĐBSCL hoàn thành và đi vào hoạt động, thì việc vận tải và thương mại với các nước trong GMS sẽ rất thuận lợi. Các cảng hàng không quốc tế như Tân Sơn Nhất, Long Thành (trong tương lai) và các cảng biển nước sâu như cảng Sài Gòn, Thị Vải – Cái Mép, Cát Lái, Hiệp Phước... sẽ ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với vùng Nam Bộ nói riêng và sẽ là những đầu mối giao thương quan trọng của nhiều nước trong tiểu vùng nói chung. Cùng với đó, vai trò của khu kinh tế đặc biệt (SEZ) như Phú Quốc (Kiên Giang), khu kinh tế đặc biệt vùng biên giới như Mộc Bài (Tây Ninh) và hàng loạt các cụm công nghiệp trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam sẽ phát huy được tối đa lợi thế của mình để phát triển. Bên cạnh đó, các ngành du lịch và dịch vụ cũng sẽ có rất nhiều cơ hội để phát triển

khi các tiêu hành lang này hoàn thành việc xây dựng và kết nối với các quốc gia thành viên trong tiểu vùng. Các “sản phẩm” du lịch của vùng đất Nam Bộ như: Vũng Tàu, Côn Đảo, Phú Quốc, khu sinh thái Bình Châu – Hồ Cốc (thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nơi được Tổ chức Du lịch Thế giới công nhận là 2 trong số 65 khu du lịch sinh thái bền vững nhất thế giới), du lịch miệt vườn miền Tây Nam Bộ... sẽ là những địa chỉ du lịch đầy hứa hẹn trong tương lai.

2.3. Vấn đề khai thác nguồn nước sông Mekong và tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế, xã hội ở khu vực miền Tây Nam Bộ

Trước hết có thể nói, thực trạng từ việc khai thác bất hợp lí nguồn tài nguyên nước sông Mekong vào mục đích phát triển thủy điện của các quốc gia trong tiểu vùng Mekong mở rộng trong hàng chục năm qua đã và đang trở thành một vấn đề nhức nhối, nan giải của một số quốc gia trong Tiểu vùng. Theo tài liệu của Ủy hội sông Mekong quốc tế, Mekong là con sông lớn thứ 12 trên thế giới với chiều dài hơn 4800km chảy qua sáu quốc gia (Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam), tạo ra một lưu vực rộng trên 795.000 km² (MRC, 2011). Lưu vực hạ Mekong ở Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú là nơi sinh sống của hơn 60 triệu người, thuộc hơn 100 dân tộc khác nhau, trong đó đa số là nông dân và ngư dân nghèo sống dựa vào dòng Mekong. Cho đến cuối thế kỉ XX, Mekong vẫn là một trong số ít những con sông lớn chưa bị ngăn đập trên phần lớn

dòng chảy. Từ cuối những năm 1990, Trung Quốc bắt đầu lên kế hoạch xây ít nhất 7 đập thủy điện trên thượng nguồn Mekong và đến nay đã hoàn thành và đưa vào vận hành 4 đập. Cùng thời gian này, Lào và Campuchia bắt đầu lập kế hoạch xây dựng 12 đập trên dòng chính (xem Hình 3). Các dòng nhánh của sông Mekong cũng đã và đang được khai thác làm thủy điện. Theo nghiên cứu của Stone, năm 2015 sẽ có 36 đập ở các dòng nhánh được đưa vào vận hành và tới năm 2030 sẽ còn có thêm 30 đập thủy điện nữa được triển khai trên các dòng nhánh (Stone, 2011).



Hình 3. Hệ thống đập thủy điện trên dòng chính sông Mekong

Nguồn: <http://baodautu.vn/infographics-cac-dap-thuy-dien-tren-dong-chinh-song-mekong-d41289.html>

Khu vực Tây Nam Bộ (hay với một tên gọi khác là ĐBSCL) nằm ở ngoài cùng của châu thổ sông Mekong giáp với biển, được hình thành từ khoảng 6000 năm nay (từ trầm tích mà sông Mekong tải ra biển cộng với quá trình biển lùi). Nước và trầm tích là hai yếu tố thuộc về bản chất của

đồng bằng.

Là một châu thổ trẻ, mẫn cảm với các tác động từ bên ngoài và từ bên trong, ĐBSCL đang chịu tác động kép từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng và việc sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn. Gọi là kép vì hai tác động này không tách biệt nhau mà quyện vào nhau (Nguyễn Ngọc Trân, 2010).

Vốn dĩ là một đồng bằng phì nhiêu, màu mỡ do được bồi đắp trầm tích của sông Mekong, là vựa lúa lớn nhất của Việt Nam và cũng là nơi cung cấp một lượng lớn lúa gạo xuất khẩu ra thế giới, ĐBSCL đang là nơi sinh sống của hơn 20 triệu cư dân. Tuy nhiên, trong những thập niên gần đây, trước sự biến đổi của khí hậu, nước biển dâng và đặc biệt là việc sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn vào mục đích phát triển thủy điện của con người, đang làm cho ĐBSCL phải đối mặt với những thách thức và những thiệt hại to lớn. Theo đánh giá của Phạm Đức Thành, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (năm 2008) thì “Cách nay hơn 20 năm, khi đánh giá về vùng đất ĐBSCL, một chuyên gia nghiên cứu về nông nghiệp của Hoa Kỳ đã cho rằng: “Châu thổ sông Cửu Long là một trong những vùng đất trù phú nhất thế giới”. Nhưng hiện nay, vựa lúa đó đang bị đe dọa bởi việc khai thác và sử dụng nguồn nước từ trên thượng nguồn. Nếu như các nước nằm dọc theo con sông quốc tế Mekong không có kế hoạch khai thác và sử dụng nguồn nước một cách thỏa đáng, nhất là các nước ở thượng nguồn muốn xây dựng các đập thủy điện (như Trung Quốc đã và đang xây dựng một số đập thủy điện

ở thượng nguồn), thì hậu quả khủng khiếp xảy ra là dòng Mekong sẽ cạn kiệt dần và nước biển sẽ tràn vào vùng hạ lưu. Khi đó, ĐBSCL, vựa lúa của Việt Nam sẽ bị hủy hoại hoàn toàn!” (Phạm Đức Thành, 2008).

Đề cập những tác hại to lớn từ việc xây dựng các công trình thủy điện trên dòng chính sông Mekong, Nguyễn Ngọc Trân cho rằng: 11 đập thủy điện trên dòng chính sông Mekong là tác nhân chính gây ra sạt lở, mất cân bằng sinh thái, đặc biệt làm xáo trộn đời sống của nông dân và ngư dân vùng hạ nguồn sông Mekong. 200 km từ biên giới Campuchia đến đường bờ biển hiện tại của Việt Nam là kết quả bồi tụ phù sa trong 6000 năm qua. Vùng ĐBSCL là hạ lưu sông Mekong, sự mở rộng mũi Cà Mau là do phù sa sông Mekong mang lại. Chính vì thế, việc xây dựng các đập thủy điện đã chặn đường vận chuyển phù sa, cắt đứt quá trình kiến tạo đồng bằng, lượng bùn giảm hơn 50% khiến ĐBSCL đứng trước nguy cơ sạt lở với tốc độ ước lượng 4-12m/năm. Mũi Cà Mau sẽ giảm tốc độ bồi đắp khoảng 1m/năm. Điều này đồng nghĩa với việc nông dân sẽ bị mất đất canh tác, đất đai giảm màu mỡ, thu nhập của nông – ngư dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đối diện nguy cơ nghèo đói... Ngoài ra, các đập thủy điện trên dòng chính sông Mekong còn khiến vùng hạ nguồn bị suy giảm sản lượng thủy sản, nhiều chủng tôm cá biến mất (Nguyễn Ngọc Trân, 2016). Các nhà khoa học cũng ước tính, hiện tại vùng ĐBSCL bị giảm 600.000 tấn thủy sản/năm; tác động sụt giảm năng suất nông nghiệp cũng giảm gần 224.000 tấn/năm. Tổng thiệt hại nông nghiệp và thủy sản

khoảng 5,2 nghìn tỉ đồng, chiếm 2,3% tổng GDP của toàn Vùng.

Ngoài ra, hiện nay ĐBSCL đang phải đối diện với nguy cơ sạt lở và sự xâm nhập mặn do nước biển dâng từ sự biến đổi của khí hậu. Năm 2016 được đánh dấu là năm bị tác hại xâm nhập mặn nặng nề nhất trong 100 năm qua. Xâm nhập mặn ở các tỉnh ven sông Tiền là 10km, sông Hậu là 9km. Hoa màu, nông sản đồng loạt chết khô, mất mùa nghiêm trọng. Hậu quả là nông dân mất đất canh tác, ngư dân giảm sản lượng đánh bắt, công nhân bị mất việc do nhà máy chế biến thủy sản không đủ nguồn thủy sản cung cấp đầu vào. Nhóm đối tượng này sẽ phải bỏ nơi sinh sống, di cư lên các khu công nghiệp của địa phương khác mưu sinh, dẫn đến một chuỗi hệ lụy về an sinh xã hội.

Trước những tác hại nghiêm trọng và lâu dài kể trên của các công trình thủy điện trên dòng chính sông Mekong đối với vùng ĐBSCL, các chuyên gia, các nhà khoa học khuyến nghị Chính phủ Việt Nam cần phải có tiếng nói mạnh mẽ hơn nữa trên các diễn đàn do Ủy hội sông Mekong quốc tế tổ chức, nhằm xem xét điều chỉnh quy hoạch thủy điện trên dòng chính sông Mekong, đảm bảo hài hòa lợi ích của các nước trong khu vực. Tuy nhiên, đây sẽ là một thách thức rất lớn đối với Việt Nam khi các quốc gia khác trong tiểu vùng đặt vấn đề lợi ích quốc gia lên trên những lợi ích chung đó là sự phát triển bền vững của cả tiểu vùng.

3. Kết luận và kiến nghị

Trong xu thế toàn cầu hóa và liên kết khu vực đang bùng nổ từ những năm đầu

thế kỉ XXI đến nay, việc Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới là một điều tất yếu. Quá trình hội nhập ấy sẽ đem lại cho chúng ta cả những thời cơ thuận lợi và những khó khăn, thử thách to lớn. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, nhiều chương trình hợp tác quốc tế ở tiểu vùng Mekong đang diễn ra sôi động và có những tác động to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Cùng với các vùng miền khác trong cả nước, Nam Bộ đang từng bước hội nhập nền kinh tế khu vực. Với vị trí địa lí quan trọng, là cửa ngõ thông ra biển của nhiều nước trong tiểu vùng Mekong, vì vậy việc xây dựng và phát triển ĐBSCL trong khuôn khổ hợp tác GMS sẽ có những tác động tích cực to lớn cho sự phát triển kinh tế của Nam Bộ. Tuy nhiên, để tận dụng được lợi thế này, theo chúng tôi, chúng ta cần phải có cái nhìn tổng thể, vĩ mô trong dài hạn để xây dựng chính sách cho phù hợp, trong đó cần tiến hành các công việc cụ thể như sau:

- Cần quy hoạch một cách bài bản và đầu tư thích đáng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông (gồm hệ thống đường bộ, đường sắt, sân bay, hải cảng) để có đủ năng lực vận tải và là những đầu mối trung chuyển, giao thương tầm cỡ lớn ở khu vực.

- Cần tập trung cho việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ ở khu vực Nam Bộ, vì hiện nay mặc dù nguồn nhân lực ở đây đông và trẻ nhưng trình độ và kĩ năng nghề nghiệp còn thấp, do vậy, khó có thể đáp ứng được yêu cầu công việc khi hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực.

- Cần triệt để đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện “chính sách một cửa”, tạo sự thông thoáng về hành lang pháp lí cho sự phát triển của các doanh nghiệp, giải quyết nhanh gọn thủ tục thông quan tại các cửa khẩu, sân bay, hải cảng...

- Cần đầu tư hơn nữa cả về chính sách và nguồn vốn cho việc xây dựng và phát triển các khu kinh tế đặc biệt (SEZ) và khu kinh tế đặc biệt vùng biên giới như trường hợp của Phú Quốc (Kiên Giang) và Mộc Bài (Tây Ninh).

Bên cạnh những thời cơ thuận lợi từ sự phát triển của ĐBSCL đem lại, những khó khăn, thách thức mà Nam Bộ, nhất là ở khu vực miền Tây Nam Bộ đang phải đối mặt là rất lớn. Trong khi chúng ta đang phải đối mặt với những diễn biến ngày càng phức tạp từ sự biến đổi khí hậu, dẫn đến mực nước biển dâng, làm cho nạn xâm thực mặn diễn ra gay gắt thì việc khai thác bất hợp lí nguồn tài nguyên nước sông Mekong để xây đập thủy điện của các quốc gia trong tiểu vùng cũng diễn biến phức tạp không kém. Vì vậy, theo chúng tôi, bên cạnh việc chúng ta cần phải có tiếng nói mạnh mẽ hơn nữa trên các diễn đàn do Ủy hội sông Mekong quốc tế tổ chức để đề nghị các nước thành viên trong tiểu vùng xem xét điều chỉnh quy hoạch thủy điện trên dòng chính sông Mekong một cách hợp lí, đảm bảo hài hòa lợi ích của các nước trong khu vực thì cũng cần phải chủ động có kế hoạch và chiến lược lâu dài để ứng phó với những diễn biến xấu nhất mà một trong những chiến lược lâu dài đó chính là tìm cách để thích ứng với những

diễn biến phức tạp hiện nay ở ĐBSCL. Để cuộc sống của người dân có thể thích ứng với những diễn biến phức tạp từ sự xâm nhập mặn của nước biển, sự cạn kiệt của nguồn nước sông Mekong, theo các chuyên gia, chúng ta cần nghiên cứu chuyển đổi cây trồng, vật nuôi cho người dân ở khu vực ĐBSCL. Đây là một công việc quan trọng, rất cần sự quan tâm, đầu tư từ những người làm chính sách và các nhà khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2014). Tăng cường hợp tác để phát triển các hành lang kinh tế GMS. <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=865&idcm=188>
- Phạm Đức Thành. (2008). Một số vấn đề về an ninh lương thực ở Đông Nam Á. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 8.
- Nguyễn Ngọc Trân. (2010). Tác động kép của biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long. Những hòn đá nhỏ vì sự phát triển bền vững, TPHCM: NXB Trẻ. Báo cáo tại Hội thảo khoa học “Khoa học Địa lý và vấn đề biến đổi khí hậu: Nghiên cứu và giảng dạy”. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
- Nguyễn Ngọc Trân. (2016). Tác động của các công trình thủy điện trên dòng chính sông Mekong. Bài phát biểu tại Hội thảo Khoa học tổ chức ở Cần Thơ. <http://dantocmiennui.vn/xahoi/dbscl-thiet-hai-52-nghin-ti-dong-do-thuy-dien-tren-dong-chinh-song-mekong/48572.html>.
- MRC. (2011). Mekong River Commission. Mekong River Commission Website. Available at: <http://www.mrcmekong.org>.
- Stone, R. (2011). Mayhem on The Mekong. *Science*, 333(August), pp.814-818. Available at: <http://www.sciencemag.org/content/333/6044/814.short>.